TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Huyện K - Tỉnh Ninh Bình**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày: 14/6/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*** : Ông Nguyễn Hữu Mạnh.

- ***Các Hội thẩm nhân dân*** :

1. Ông Vũ Kim Mỹ;

2. Ông Nguyễn Thái Bảo.

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà***: Ông Phạm Văn Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2019/HSST ngày 17 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/QĐXXST-HS ngày 31/5/2019 đối với các bị cáo :

1. Họ và tên **Bùi Văn Q,** sinh năm 1985.

Nơi ĐKHKTT: xóm 1, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: xóm 9, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thanh N và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Nguyễn Thị T và 03con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2019 đến 25/02/2019 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Họ và tên **Nguyễn Thế A,** sinh năm 1984.

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở : xóm 1, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Đỗ Thị L; vợ, con: chưa có;

tiền án, tiền sự: không; Lịch xử bản thân: Quyết định số 45 ngày 18/5/2015 của Công an huyện K xử phạt 200.000đ về hành vi có cử chỉ, lời nói thô bạo, hành động đe dọa người khác, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2019 đến 25/02/2019 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Họ và tên **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1985.

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở : Đội 3, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Phạm thị T và 01 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2019 đến 25/02/2019 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Họ và tên **Phạm Văn H,** sinh năm 1985.

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở : xóm 10, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Trung T (đã chết) và bà Nguyễn Thị G; có vợ là Phạm Thị H và 03 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2019 đến 25/02/2019 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Họ và tên **Phạm Văn G,** sinh năm 1993.

Nơi ĐKHKTT, chỗ ở : xóm 3, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Vũ Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/02/2019 đến 25/02/2019 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

+ Người làm chứng: chị Nguyễn Thị T (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 22/02/2019 Bùi Văn Q và Nguyễn Văn T đang ngồi uống nước tại gian phòng khách nhà Q thì có Phạm Văn H và Nguyễn Thế A là bạn của Q cũng đến ngồi chơi. Quá trình nói chuyện, Q rủ những người trên đánh bạc ăn tiền thì mọi người đều đồng ý. Cả bốn người cùng đi lên gian gác sép

nhà Q để đánh bạc. Q lấy bộ tú lơ khơ có sẵn ở trên bàn và cả hội cùng ngồi trên chiếc đệm đã trải sẵn chơi đánh bạc bằng hình thức chơi liêng, mỗi ván góp gà 10.000đ, tố hết láng là 100.000đ. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Phạm Văn G đến nhà Q chơi thấy mọi người đang đánh bạc thì xin vào chơi cùng. Cả 5 người chơi đến 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện K phối hợp với Công an xã C phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 8.235.000đ, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 đệm ngủ màu xanh, ngoài ra còn thu trên người các đối tượng số tiền 4.500.000đ (gồm 500.000đ của G và 4.000.000đ của T), tạm giữ 02 ví da và 07 điện thoại các loại.

Quá trình điều tra xác định trước khi đánh bạc Q có 600.000đ, G có hơn 4.000.000đ, Thế A có 2.000.000đ, H có hơn 700.000đ đều sử dụng hết vào việc đánh bạc, riêng T có 4.920.000đ nhưng chỉ sử dụng 920.000đ vào việc đánh bạc. Như vậy tổng số tiền các bị cáo dùng vào đánh bạc là 8.735.000đ.

Bản cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 15/5/2019 VKSND huyện K truy tố các bị cáo Bùi Văn Q, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn T, Phạm Văn H và Phạm Văn G về tội " Đánh bạc" theo khoản 1,3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015(BLHS 2015).

Tại phiên toà đại diện VKSND huyện K, tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn Q, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn T, Phạm Văn H và Phạm Văn G phạm tội " Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q từ 9 – 12 tháng cải tạo không giam giữ; không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo; phạt bổ sung bị cáo từ 10 – 15 triệu đồng ;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế A 09 – 12 tháng cải tạo không giam giữ; không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo; phạt bổ sung bị cáo từ 10 – 15 triệu đồng ;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51BLHS năm 2015. Riêng bị cáo Hảo áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H số tiền từ 22 – 27 triệu đồng;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T số tiền từ 22 – 27 triệu đồng;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn G số tiền từ 22 – 27 triệu đồng;

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các lời khai trước đây cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Bùi Văn Q, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn T, Phạm Văn H và Phạm Văn G đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đồng bọn như nội dung cáo trạng đã nêu. Các bị cáo khai, sáng ngày 22/02/2019 trong lúc uống nước Q đã rủ mọi người đánh bạc ăn tiền thì tất cả đều đồng ý, sau đó 4 người gồm Q, Thế A, T và H cùng ngồi trên đệm đã trải sẵn ở phòng sép nhà Q đánh bạc bằng hình thức đánh liêng ăn tiền mỗi ván đặt cửa 10.000đ, mức tố cao nhất là 100.000đ, chơi đến 13 giờ 00 phút cùng ngày thì G đến nhà Q chơi thấy mọi người đang đánh bạc cũng vào xin tham gia chơi cùng, đến 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện K và Công an xã C phát hiện lập biên bản phạm tội quả tang, thu trên chiếu bạc số tiền 8.235.000đ. Ngoài ra còn thu giữ trên người bị cáo G 500.000đ và bị cáo T 4.000.000đ, trong đó có 500.000đ của G là tiền dùng vào việc đánh bạc.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang, thống kê vật chứng thu giữ...

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận với hành vi đánh bạc được thua bằng tiền có giá trị 8.735.000đ, các bị cáo Bùi Văn Q, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn T, Phạm Văn H và Phạm Văn G đã phạm tội " Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, là tệ nạn xã hội cần phải loại trừ, vì vậy cần xử lý các bị cáo bằng biện pháp hình sự mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần giữ vững ổn định trật tự xã hội trên địa bàn.

[2] Trong vụ án này, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, tuy là đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân tích vị trí, vai trò mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt phù hợp với từng bị cáo. Bị cáo Q là người khởi xướng việc đánh bạc và dùng nhà ở của mình cho các bị cáo khác đánh bạc, vì vậy vai trò của bị cáo Q là lớn nhất và phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; các bị cáo Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn T và Phạm Văn H khi được Q rủ đã đồng ý tham gia ngay và chơi từ đầu, trong thời gian dài vì vậy trách nhiệm của ba bị cáo này là ngang nhau và phải chịu trách nhiệm sau bị cáo Q; Riêng bị cáo G là người đến sau mới chơi trong thời gian ngắn đã bị bắt, tuy vai trò thấp hơn nhưng cũng phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện.

[3] Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015; Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đều khai báo thành khẩn và tỏ thái độ ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Riêng bị cáo Q, H và Thế A có hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo, đây là tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

[5] Xét nhân thân, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo như đã phân tích ở trên, HĐXX xét thấy: mặc dù các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn, tuy chưa đến mức phải cách ly xã hội nhưng bị cáo Q là người khởi xướng và dùng nhà ở của mình cho các bị cáo khác cùng với bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc, còn bị cáo Thế A là người đã từng bị Công an huyện K xử phạt hành chính vì vậy cần buộc bị cáo Q và Thế A phải chịu hình phạt cải tạo không giam giữ và mặc dù đại diện Viện kiểm sát đề nghị không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo vì bị cáo Q thuộc diện hộ nghèo, bị cáo Thế A thuộc diện hộ cận nghèo, nhưng HĐXX xét thấy cần phải khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo và cần phải phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo mới đủ điều kiện để cải tạo. Đối với các bị cáo còn lại xét có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, vì vậy chỉ cần xử phạt các bị cáo bằng hình thức phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục và không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung về phạt tiền mà nên thu hút vào hình phạt chính.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 12.735.000đ, trong đó có 8.735.000đ là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ nhà nước; Đối với bộ tú lơ khơ 52 quân các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội và là vật không còn giá trị sử dụng vì vậy cần tịch thu cho tiêu hủy. Số tiền 4.000.000đ thu trên người bị cáo T và các đồ vật khác thu trên người các bị cáo gồm 01 ví da màu đen, 01 điện thoại Iphone7 Plus màu đen vỡ màn hình của bị cáo G ; 01 điện thoại GalaxyA7 màu vàng của bị cáo H; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen của bị cáo Thế A; 01 điện thoại Galaxy J3 màu vàng, 01 điện thoại Viettel màu đen và 01 ví da màu nâu của bị cáo T; 01 điện thoại Iphone X màu đen, 01 điện thoại Oppo A7 màu vàng và chiếc đệm ngủ màu xanh của bị cáo Q, đây là số tiền và các đồ vật các bị cáo không dùng vào việc phạm tội là là đồ dùng sinh hoạt của gia đình bị cáo Q vì vậy cần trả lại cho các bị cáo, nhưng cần tiếp tục quản lý số tiền và các đồ vật trên để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các bị cáo Bùi Văn Q, Nguyễn Thế A và

Phạm Văn H là đối tượng thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo vì vậy được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hoàn toàn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn Q, Nguyễn Thế A, Nguyễn Văn T, Phạm Văn H và Phạm Văn G phạm tội " Đánh bạc".

+ Áp dụng khoản 1,3 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 BLHS năm 2015:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Q 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ 3 ngày tương đương với 9 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 11 tháng 21 ngày; khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước; phạt bổ sung bị cáo Bùi Văn Q số tiền 12 triệu đồng sung quỹ nhà nước. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Quyết tính từ ngày UBND xã H nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế A 09 tháng cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ 3 ngày tương đương với 9 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 08 tháng 21 ngày; khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước; phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thế A số tiền 12 triệu đồng sung quỹ nhà nước. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Thế A tính từ ngày UBND xã H nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Bùi Văn Q và Nguyễn Thế A cho UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Riêng bị cáo Phạm Văn H được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 25.000.000.000đ;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn H số tiền 24.000.000.000đ;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn G số tiền 24.000.000đ.

+ Áp dụng Điều 47 BLHS; Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015:

- Tịch thu số tiền 8.735.000đ là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội để sung quỹ nhà nước;

- Tịch thu bộ tú lơ khơ 52 quân là vật các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội và là vật không có giá trị sử dụng cho tiêu hủy.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 4.000.000đ, 01 điện thoại Galaxy J3 màu vàng, 01 điện thoại Viettel màu đen và 01 ví da màu nâu; trả cho bị cáo Phạm Văn G 01 ví da màu đen, 01 điện thoại Iphone7 Plus màu đen vỡ màn hình; trả cho bị cáo Phạm Văn H 01 điện thoại GalaxyA7 màu vàng; trả cho bị cáo Nguyễn Thế A 01 điện thoại Nokia 105 màu đen; trả cho bị cáo Bùi Văn Q 01 điện thoại Iphone X màu đen, 01 điện thoại Oppo A7 màu vàng và 01 chiếc đệm ngủ màu xanh đã cũ, nhưng cần tiếp tục quản lý số tiền và các đồ vật trên để đảm bảo thi hành án.

+Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn G mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Bùi Văn Q, Nguyễn Thế A và Phạm Văn H.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo là người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã H, C;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Hữu Mạnh
(Đã ký)